TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ- ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mấy và bà Vi Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T - Sinh năm: 2000

Số CCCD: 038300023097

Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Ngân Văn Th - Sinh năm: 1992

Số CCCD: 038092030145

Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị T và anh Thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2025, bản tự khai ngày 13/11/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngân Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương từ năm 2018 và có đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 06/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống đầm ấm hạnh phúc đến tháng 02/2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân.

Tuy hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay, không quan tâm gì tới nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thẩm.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngân Thuý Qu, sinh ngày 27/01/2020 và Ngân Việt A, sinh ngày 18/4/2022. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân Thuý Qu, giao cháu Ngân Việt A cho anh Thẩm trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026, bị đơn anh Ngân Văn Th trình bày:

Anh và chị T kết hôn năm 2018 và có đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 06/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại bản Co Cài, xã T, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Đến tháng 02/2025 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nhận được thông tin vợ có mối quan hệ bên ngoài, không còn chung thuỷ nên dẫn đến vợ chồng cãi vã. Anh không có tài liệu, chứng cứ nào về việc chị T ngoại tình. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ thời điểm tháng 02/2025 đến nay. Tuy nhiên, anh sẵn sàng bỏ qua tất cả để vợ chồng được hàn gắn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Thẩm xác định vợ chồng có 02 con chung là Ngân Thuý Qu, sinh ngày 27/01/2020 và Ngân Việt A, sinh ngày 18/4/2022. Do hai gia đình gần nhau nên các con vẫn thường xuyên qua lại cả hai bên. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Thẩm đến hoà giải nhưng anh Thẩm cố tình không đến, nên không hoà giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Ngân Văn Th.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Ngân Thuý Qu, sinh ngày 27/01/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngân Việt A, sinh ngày 18/4/2022 cho anh Thẩm trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh Thẩm không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngân Văn Th là bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa nên việc Toà án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Tại phiên toà, chị T vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Ngân Văn Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài và không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù anh Th không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để níu kéo hôn nhân.

HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị T, xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Ngân Văn Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Ngân Văn Th có 02 con chung là Ngân Thuý Qu, sinh ngày 27/01/2020 và Ngân Việt A, sinh ngày 18/4/2022. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh Th không thống nhất được về vấn đề con chung. Tại đơn khởi kiện, chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con nhưng sau đó đã thay đổi yêu cầu theo hướng mỗi người nuôi một con, còn anh Th lại yêu cầu được nuôi cả 02 con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu được nuôi con của các đương sự là chính đáng, các bên đều có khả năng và điều kiện ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương thì mặc dù vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, nhưng vẫn sinh sống ở gần nhau tại bản Co Cài, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Trên thực tế các con vẫn qua lại cả bên bố và mẹ, không có sự cách biệt nhiều về mặt địa lý, bố mẹ vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, trong trường hợp này việc xem xét chấp nhận theo yêu cầu của chị T để chia con là phù hợp. Theo đó, giao cháu Ngân Thuý Qu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ngân Việt A cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T và anh Th không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Các bên đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị T là người thuộc hộ cận nghèo, đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Ngân Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Ngân Thuý Qu, sinh ngày 27/01/2020 cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Ngân Việt A, sinh ngày 18/4/2022

cho anh Ngân Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh Th đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị T và anh Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 13 – Thanh Hoá;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T, Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng